



# Hanna Instruments S.R.L.

Bản sửa đổi số 1 US  
Ngày lập: 27/10/2016  
Ngày in: 03/11/2016  
Trang số: 1/10

Nước (đã) khử Ion

**Phiếu Dữ liệu An toàn Hóa chất dựa theo USA Federal Hazcom (Tiêu chuẩn Thông tin về Nguy hại của Liên bang Hoa Kỳ) năm 2012 và Canadian Regulation (Quy định về Sản phẩm có Kiểm soát của Canada) SOR/88-66**

## **PHẦN 1. Nhận biết hóa chất/hỗn hợp và thông tin về công ty/nhà máy.**

### **1.1. Nhận biết hóa chất**

Mã nhận biết Nước (đã) khử Ion  
Tên sản phẩm Nước (đã) khử Ion

### **1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**

Mục đích sử dụng Sử dụng trong việc phân tích các Mẫu nước

### **1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất**

Tên nhà cung cấp Hanna Instruments S.R.L.  
Địa chỉ Str. Hanna Nr 1  
Quận/huyện và Quốc gia 457260 loc. Nusfalau (Salaj)  
Rumani  
ĐT (+40) 260607700  
Fax (+40) 260607700

Địa chỉ e-mail của người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với Phiếu Dữ liệu An toàn Hóa chất [sds@hannainst.com](mailto:sds@hannainst.com)

Phân phối sản phẩm bởi: Hanna Instruments, Inc – 584 Park East, Woonsochet, Rhode Island, USA 02895 – Thông tin Liên hệ Bộ phận Dịch vụ Kỹ thuật: +1-800-426-6287

### **1.4. Số điện thoại khẩn cấp**

Trong trường hợp khẩn cấp, vui lòng liên hệ Số điện thoại khẩn cấp tại Hoa Kỳ: +1-800-424-9300 – CHEMTREC 24h/365 ngày – Số điện thoại khẩn cấp ngoài Hoa Kỳ: + 1-703-527-3887 – CHEMTREC 24h/365 ngày

## **PHẦN 2. Nhận biết nguy hại**

### **2.1. Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp**

Sản phẩm không được phân vào nhóm nguy hại theo các quy định đưa ra trong Tiêu chuẩn Thông tin của OSHA về Nguy hại (HCS) (29 CFR 1910.1200).

Biểu đồ nguy hại: --


Tự hiệu: --

Thông báo nguy hại: --

Thông báo phòng ngừa:  
Phòng tránh: --

Phản ứng: --

Bảo quản: --

	<b>Hanna Instruments S.R.L.</b>	Bản sửa đổi số 1 US Ngày lập: 27/10/2016 Ngày in: 03/11/2016 Trang số: 2/10
	Nước (đã) khử Ion	

Tiêu hủy: --
<b>2.2. Nguy hại khác</b> Không có thông tin
<b>PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần</b> <b>3.1. Hóa chất</b> Sản phẩm này không chứa các chất hóa học được xếp vào nhóm nguy hại đối với sức khỏe con người hoặc môi trường dựa trên các điều khoản của Quy định (EU) 1272/2008 (CLP) (và các sửa đổi và bổ sung sau này) theo các lượng cần phải thông báo.  <b>3.2. Hỗn hợp</b> Không có thông tin liên quan
<b>PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu</b> <b>4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu</b> Không đặc biệt cần thiết. Nên tuân theo các quy trình vệ sinh công nghiệp tốt.  <b>4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và trì hoãn.</b> Không có bất kỳ báo cáo nào về những tổn hại đến sức khỏe được cho là do sản phẩm gây ra.  <b>4.3. Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt</b> Không có thông tin
<b>PHẦN 5. Các biện pháp chữa cháy</b> <b>5.1. Phương tiện chữa cháy</b> <b>THIẾT BỊ CHỮA CHÁY PHÙ HỢP</b> Thiết bị chữa cháy phù hợp nên là các thiết bị truyền thống: các-bon đi-ô-xít, bột chữa cháy, bột chữa cháy và phun bụi nước. <b>THIẾT BỊ CHỮA CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP</b> Không có thông tin cụ thể.  <b>5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ hóa chất hoặc hỗn hợp</b> <b>CÁC NGUY HẠI BỒI VỤ NỔ TRONG ĐÁM CHÁY.</b> Tránh hít phải sản phẩm từ đám cháy.  <b>5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa</b> <b>THÔNG TIN CHUNG</b> Sử dụng các vòi phun nước để làm mát thùng chứa nhằm tránh hiện tượng sản phẩm phân hủy và hình thành các chất nguy hại tiềm ẩn đối với sức khỏe. Luôn mặc và đeo thiết bị bảo hộ chống cháy. Thu gom nước chữa cháy để tránh nước đi vào hệ thống cống thoát nước. Xử lý nước nhiễm bẩn được sử dụng để chữa cháy và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành. <b>THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT DÀNH CHO LÍNH CỨU HỎA</b> Quần áo chữa cháy thông thường tức bộ dụng cụ chữa cháy (BS EN 469), găng tay bảo hộ (BS EN 659) và giày bảo hộ (HO specification A29 and A30) kèm theo bộ thiết bị thở độc lập mạch hở áp suất dương được bơm khí nén (BS EN 137)
<b>PHẦN 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải</b> <b>6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp</b> Chặn điểm rò rỉ nếu không gặp mỗi nguy hại nào.

Mặc và đeo thiết bị bảo hộ thích hợp (bao gồm thiết bị bảo hộ cá nhân được tham khảo tại Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này) để tránh hóa chất tiếp xúc da, mắt và quần áo cá nhân. Các chỉ dẫn này áp dụng cho cả nhân viên xử lý hóa chất và nhân viên liên quan đến các quy trình khẩn cấp.

**6.2. Biện pháp phòng ngừa về môi trường**

Không được để sản phẩm đi vào hệ thống công thoát nước hay tiếp xúc với nguồn nước mặt hoặc nước ngầm.

**6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch**

Thu gom hóa chất rò rỉ và đặt vào trong các thùng chứa. Nếu sản phẩm dễ bắt cháy, sử dụng thiết bị chống nổ. Đánh giá khả năng tương thích của thùng chứa hóa chất được sử dụng theo nội dung của phần 10. Thấm hút phần dư thừa của sản phẩm bằng vật liệu thấm hút tro.

Đảm bảo nơi bị rò rỉ hóa chất được thông khí tốt. Vật liệu nhiễm bẩn phải được thải bỏ theo các quy định được đưa ra trong phần 13.

**6.4. Tham khảo các phần khác.**

Toàn bộ thông tin về bảo hộ cá nhân và thải bỏ đều được đưa ra trong phần 8 và 13.

**PHẦN 7. Xử lý và bảo quản****7.1. Biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**

Trước khi sử dụng sản phẩm, tham khảo toàn bộ nội dung của các phần khác trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này. Tránh sản phẩm rò rỉ vào môi trường. Không ăn, uống hay hút thuốc khi thao tác với sản phẩm.

**7.2. Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào**

Bảo quản sản phẩm trong các thùng chứa được gắn nhãn rõ ràng. Để thùng chứa tránh xa bất kỳ vật liệu không tương thích nào, xem phần 10 để biết thêm chi tiết.

**7.3. Sử dụng cụ thể**

Không có thông tin.

**PHẦN 8. Hạn chế tiếp xúc/bảo vệ cá nhân****8.1. Thông số kiểm soát**

Không có thông tin

**8.2. Kiểm soát tiếp xúc**

Tuân thủ theo các biện pháp an toàn thông thường khi xử lý các chất hóa học.

**BẢO VỆ TAY**

Không cần thiết.

**BẢO VỆ DA**

Không cần thiết.

**BẢO VỆ MẮT**

Không cần thiết

**KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VỚI MÔI TRƯỜNG**

Khí thải được tạo ra từ các quy trình sản xuất, bao gồm các chất được tạo ra bởi thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường.

**PHẦN 9. Đặc tính lý hóa****9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản**

Ngoại quan	chất lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi	không mùi

Ngưỡng mùi	Không có thông tin
pH.	7
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi ban đầu	Không có thông tin
Dải sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	> 93 <sup>0</sup> C (199.4 <sup>0</sup> F)
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới	Không có thông tin
Giới hạn cháy trên	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi	Không có thông tin
Mật độ tương đối	1,000
Khả năng hòa tan	Hòa tan được trong nước
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bắt cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Đặc tính nổ	Không có thông tin
Đặc tính ô-xy hóa	Không có thông tin

**9.2. Thông tin khác**

Trọng lượng phân tử	18,000
---------------------	--------

**PHẦN 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng****10.1. Khả năng phản ứng**

Không có rủi ro phản ứng cụ thể với các chất khác trong điều kiện sử dụng thông thường.

**10.2. Tính ổn định hóa học**

Sản phẩm ổn định trong điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

**10.3. Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại**

Không có phản ứng nguy hại nào được dự đoán xảy ra trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

**10.4. Các điều kiện cần tránh**

Không có thông tin cụ thể. Tuy nhiên, nên tuân theo các biện pháp phòng ngừa thông thường áp dụng cho sản phẩm hóa học.

**10.5. Vật liệu không tương thích**

Không có thông tin

**10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại**

Không có thông tin

**PHẦN 11. Thông tin về độc tính****11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tính****ĐỘC CẤP TÍNH**

LC50 (Hít phải - hơi) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không có thành phần nguy hại đáng kể)
LC50 (Hít phải – bụi nước / bột) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không có thành phần nguy hại đáng kể)
LD50 (Miệng) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không có thành phần nguy hại đáng kể)
LD50 (Da) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không có thành phần nguy hại đáng kể)

Sản phẩm này không được xem là tác nhân gây ung thư bởi IARC, ACGIH, NTP và OSHA.

#### ĂN MÒN / KÍCH ỨNG DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### TỒN THƯƠNG / KÍCH ỨNG MẮT NGHIÊM TRỌNG

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### MÃN CẢM VỚI HÊ HỒ HẤP HOẶC DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### ĐỐT BIÊN TẾ BÀO MÀM

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### ĐỘC VỚI HÊ SINH SẢN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### ĐỘC VỚI CƠ QUAN ĐÍCH CU THỂ (STOT) – PHỐI NHIỄM MỘT LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### ĐỘC VỚI CƠ QUAN ĐÍCH CU THỂ (STOT) – PHỐI NHIỄM NHIỀU LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

#### NGUY HẠI NẾU HÍT PHẢI

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại vào nhóm nguy hại này.

### **PHẦN 12. Thông tin về sinh thái**

Sử dụng sản phẩm này theo các thực hành làm việc tốt. Tránh xả thải bừa bãi. Thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền nếu sản phẩm đi vào đường nước hoặc gây độc với đất hoặc thảm thực vật.

#### **12.1. Độc tính**

Không có thông tin


#### **12.2. Độ bền và khả năng phân hủy**

Không có thông tin

#### **12.3. Khả năng tích lũy sinh học**

Không có thông tin

#### **12.4. Khả năng di chuyển trong đất**

	<b>Hanna Instruments S.R.L.</b>	Bản sửa đổi số 1 US Ngày lập: 27/10/2016 Ngày in: 03/11/2016 Trang số: 6/10
	Nước (đã) khử Ion	

Không có thông tin

**12.5. Kết quả đánh giá PBT (nhóm chất độc bền có khả năng tích lũy sinh học) và vPvB (nhóm chất rất bền vững, rất tích lũy sinh học)**

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ chất nào thuộc PBT hoặc vPvB có tỷ lệ lớn hơn 0.1%.

**12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác**

Không có thông tin

**PHẦN 13. Cân nhắc khi tiêu hủy**

**13.1. Phương pháp xử lý rác thải**

Tái sử dụng khi có thể. Nên xem phần sản phẩm thừa nguyên chất như rác thải không nguy hại đặc biệt.

Việc tiêu hủy phải được thực hiện bởi một doanh nghiệp quản lý chất thải có giấy phép theo các quy định của quốc gia và địa phương

**BAO BÌ NHIỄM BẮN**

Bao bì nhiễm bẩn phải được thu hồi hoặc tiêu hủy theo các quy định về quản lý rác thải quốc gia.

**PHẦN 14. Thông tin về vận chuyển**

Sản phẩm không nguy hại theo các quy định hiện hành của Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ (ADR) và Đường Sắt (RID), của Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển (IMDG), và theo các quy định của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).

**14.1. Số UN**

Không áp dụng

**14.2. Tên vận chuyển phù hợp theo UN**

Không áp dụng

**14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển**

Không áp dụng

**14.4. Nhóm bao bì**

Không áp dụng

**14.5. Các nguy hại đến môi trường**

Không áp dụng

**14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng**

Không áp dụng

**14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ Quy tắc của IBC**

Không có thông tin liên quan

**PHẦN 15. Thông tin quản lý**

**15.1. Các quy định/luật pháp cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất hoặc hỗn hợp**

Điều luật Liên bang Hoa Kỳ

TSCA:

Toàn bộ thành phần của sản phẩm đều được liệt kê trong Danh mục TSCA.



# Hanna Instruments S.R.L.

Bản sửa đổi số 1 US  
Ngày lập: 27/10/2016  
Ngày in: 03/11/2016  
Trang số: 7/10

Nước (đã) khử Ion

Mục 112(b), Đạo luật Không khí Sạch:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các chất thuộc Nhóm I Mục 602, Đạo luật Không khí Sạch:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các chất thuộc Nhóm II Mục 602, Đạo luật Không khí Sạch:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Đạo luật Không khí Sạch – Các chất gây ô nhiễm được Ưu tiên:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Đạo luật Không khí Sạch – Các chất gây ô nhiễm Độc hại:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các Hóa chất thuộc Danh sách I của DEA (Hóa chất Tiền chế):

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các Hóa chất thuộc Danh sách II của DEA (Hóa chất Thiết yếu):

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Danh sách của DEA về các Danh mục:

313 Category Code:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng Hoạch định Ngưỡng (TPQ) của EHS theo Mục 302, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng có thể báo cáo (RQ) của EHS theo Mục 304, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng có thể báo cáo theo CERCLA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Danh sách Chất thải Độc hại (TRI) theo Mục 313, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Bộ Quy định của RCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng ngưỡng (TQ) trong RMP theo Mục 112 (r), CAA

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các quy định của bang

Massachusetts:



# Hanna Instruments S.R.L.

Bản sửa đổi số 1 US  
Ngày lập: 27/10/2016  
Ngày in: 03/11/2016  
Trang số: 8/10

Nước (đã) khử Ion

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Minnesota:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

New Jersey:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

New York:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Pennsylvania:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

California:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Kiến nghị 65:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào gây ung thư, nguy hại đến hệ sinh sản hoặc dị tật bẩm sinh được quy định bởi Bang California.

Các quy định quốc tế

Các hóa chất trong báo cáo xuất khẩu theo Quy định (EC) 649/2012:

Không có

Các hóa chất trong Công ước Rotterdam:

Không có

Các hóa chất trong Công ước Stockholm:

Không có

Hệ thống Thông tin Vật liệu Nguy hại Nơi làm việc (WHMIS) của Canada:

Không có thông tin

## **PHẦN 16. Thông tin khác**

### **CHÚ THÍCH:**


- 313 CATEGORY CODE: Mã hạng tại Mục 313, Đạo luật về Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch Khẩn cấp
- ADR: Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112 ® RMP TQ: Lượng Ngưỡng trong Kế hoạch Quản lý Rủi ro (Mục 112 ®, Đạo luật Không khí Sạch)
- CAS NUMBER: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ ảnh hưởng (yêu cầu nồng độ gây ảnh hưởng 50%)
- CERCLA RQ: Lượng có thể báo cáo (Đạo luật về Trách nhiệm Pháp lý, Bồi Thường và Phản ứng Toàn diện về Môi trường)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Cơ quan Phòng chống Ma túy Hoa Kỳ
- EmS: Trường hợp Khẩn cấp



- EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ
- EPCRA: Đạo luật về Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch Khẩn cấp
- EPCRA 302 EHS TPQ: Lượng Hoạch định Ngưỡng của Chất Cực Nguy hại (Mã hạng tại Mục 302)
- EPCRA 304 EHS RQ: Lượng có thể báo cáo của Chất Cực Nguy hại (Mã hạng tại Mục 304)
- EPCRA 313 TRI: Danh sách Chất thải Độc hại (Mã hạng tại Mục 313)
- GHS: Hệ thống Hải hoà Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hoá chất
- IATA DGR: Quy định Hàng hóa Nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
- IC50: Nồng độ Cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
- IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế
- LC50: Nồng độ Gây chết 50%
- LD50: Liều lượng Gây chết 50%
- OEL: Mức độ Phơi nhiễm Nghề nghiệp
- PEL: Mức độ Phơi nhiễm Dự đoán
- RCRA Code: Bộ Quy định của Đạo luật về Thu hồi và Bảo tồn Tài nguyên
- REL: Giới hạn Phơi nhiễm Đề xuất
- RID: Quy tắc quốc tế liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
- TLV: Giá trị Giới hạn Ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ phơi nhiễm nghề nghiệp không được vượt quá trong bất kỳ thời điểm nào.
- TSCA: Đạo luật Kiểm soát Chất độc
- TWA STEL: Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn
- TWA: Giới hạn phơi nhiễm trung bình theo thời gian
- VOC: Các Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống Thông tin Vật liệu Nguy hại Nơi làm việc.

**MỤC LỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHUNG:**

- GHS rev. 3 (phiên bản 3)
- The Merck Index. 10<sup>th</sup> Edition (Xuất bản lần thứ 10)
- Handling Chemical Safety (An toàn khi Xử lý Hóa chất)
- Niosh – Registry of Toxic Effects of Chemical Substances (Danh sách các Ảnh hưởng độc hại của Hóa chất)
- INRS – Fiche Toxicologique (toxicological sheet) (Bảng thông tin về độc tính)
- Patty – Industrial Hygiene and Toxicology (Vệ sinh và Độc tính Công nghiệp)
- N.I. Sax – Dangerous properties of Industrial Materials-7, 1989 Edition (Xuất bản vào tháng 7/1989)
- ECHA website (Trang web của ECHA)
  
- 6 NYCRR part 597 (phần 597, tiêu đề 6, Bộ luật, Quy tắc và Quy định của New York)
- Cal/OSHA website (Trang web Cal/OSHA)
- California Safe Drinking Water and Toxic Enforcement Act (Đạo luật Thực thi Nước uống và Độc tố An toàn California)
- EPA website (Trang web của EPA)
- Hazard Communication Standard (Tiêu chuẩn Thông tin về Nguy hại) (HCS 2012)
- IARC website (Trang web của IARC)
- List of Lists EPA: Consolidated List of Chemicals Subject to EPCRA, CERCLA and Section 112© of the Clean Air Act (Danh mục các Danh sách Hóa chất của EPA: Danh sách Tổng hợp các Hóa chất theo EPCRA, CERCLA và Mục 112© của Đạo luật Không khí Sạch)
- Massachusetts 105 CMR Department of public health 670.000: “Right to Know” (Massachusetts 105 CMR Sở Y tế Cộng đồng 670.000: “Quyền được biết”)

	<b>Hanna Instruments S.R.L.</b>	Bản sửa đổi số 1 US Ngày lập: 27/10/2016 Ngày in: 03/11/2016 Trang số: <b>10/10</b>
	<b>Nước (đã) khử Ion</b>	

<p>- Minensota Chapter 5206 Department of Labor and Industry Hazardous Substance, Employee “Right to Know” (Minensota Chương 5206 Sở Lao động và Hóa chất Công nghiệp Nguy hại, Công nhân “Quyền được biết”)</p> <p>- New Jersey Worker and Community Right to Know Act N.J.S.A (Đạo luật về Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng của New Jersey, N.J.S.A)</p> <p>- NTP. 2011. Report on Carcinogens, 12<sup>th</sup> Edition (Chương trình Độc học Quốc gia Hoa Kỳ. 2011. Báo cáo về Các Tác nhân gây ung thư, Xuất bản lần thứ 12)</p> <p>- OSHA website (Trang web của OSHA)</p> <p>- Pennsylvania, Hazardous Substance List, Chapter 323 (Pennsylvania, Danh sách Chất nguy hại, Chương 323)</p> <p>Lưu ý dành cho người dùng:</p> <p>Các thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này đều được dựa trên kiến thức của chúng tôi tại ngày phát hành phiên bản cuối cùng. Người dùng phải xác định khả năng tương thích và cân nhắc triệt để các thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm riêng.</p> <p>Tài liệu này không được xem là chứng từ bảo đảm đối với bất kỳ tài sản cụ thể nào.</p> <p>Việc sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; do đó, người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ theo các điều luật và quy định về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất được miễn hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ phát sinh nào từ việc sử dụng sản phẩm không đúng cách.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các khóa đào tạo cho nhân viên được chỉ định về cách sử dụng các sản phẩm hóa học.</p> <p>Những thay đổi đối với phiên bản trước:</p> <p>Dưới đây là các phần đã được sửa đổi:</p> <p>09.</p>
---